

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ NINH  
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12/01/2023

V/v“Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Xu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Bích Phượng và bà Nguyễn Thị Đào.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú  
Ninh, tỉnh Quảng Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia  
phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh  
Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 173/2022/TLST-HNGĐ  
ngày 15 tháng 11 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết  
định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022,  
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã H,  
huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Minh T1, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện P, tỉnh  
Quảng Nam. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị  
Bích N trình bày: Bà và ông Đặng Minh T1 tự tìm hiểu đến với nhau, có đăng ký kết  
hôn tại UBND xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2017. Trong  
quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ  
chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng sống  
ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm tới ai.  
Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như  
mong muốn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1.

Về nuôi con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Đặng Minh T2, sinh ngày

12/01/2018 và Đặng Minh K, sinh ngày 22/8/2020. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi cháu Đặng Minh K, giao cháu Đặng Minh T2 cho chồng nuôi, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Minh T1 trình bày: Ông với bà N tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam vào năm 2017. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 cho đến nay, mỗi người một nơi, phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Đặng Minh T2, sinh ngày 12/01/2018 và Đặng Minh K, sinh ngày 22/8/2020. Tại các phiên hòa giải ông có nguyện vọng được nuôi cả hai con với mục đích để hàn gắn tình cảm vợ chồng, có điều kiện nuôi dạy các con, nhưng nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên khi ly hôn ông có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và đồng ý giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, căn cứ theo các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Về quan hệ hôn nhân: cho bà N và ông T1 ly hôn. Về nuôi con chung: giao cháu Đặng Minh T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đặng Minh K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp; các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các tài liệu, chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đặng Minh T1 cư trú tại thôn L, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Vinh, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng

Nam vào năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa bà N và ông T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính, thường xuyên cãi vã và vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay, mỗi người sống mỗi nơi, không ai quan tâm tới ai. Tại các phiên hòa giải Ông T1 không đồng ý ly hôn với mục đích để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông T1 cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T1 thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà N và ông T1 có hai con chung là Đặng Minh T2, sinh ngày 12/01/2018 và Đặng Minh K, sinh ngày 22/8/2020. Khi ly hôn bà N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đặng Minh K, giao cháu Đặng Minh T2 cho ông T1 nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Tại phiên tòa ông T1 có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T2 và đồng ý giao cháu K cho bà N nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu T2 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi, giao cháu K cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông T1 đều khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích N và ông Đặng Minh T1 ly hôn.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đặng Minh T2, sinh ngày 12/01/2018 cho ông T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Giao cháu Đặng Minh K, sinh ngày 22/8/2020 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.
3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010545, ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà N đã nộp xong tiền án phí.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/01/2023); nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Vinh;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Phạm Văn Xu**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**